TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-PT
Ngày 21- 6 - 2018
V/v: *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và biêu hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Anh.

Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLPT- DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp dân sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS -ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng S (tên gọi khác H), sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ A phường T, quận S, Tp Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ B,phường M, quận S, Tp Đà Nẵng (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số Z, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

- Bà Nguyễn L, sinh năm: 1979;Địa chỉ: Tổ C, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Hoàng S trình bày: Qua mối quan hệ chị em làm ăn quen biết với nhau, nên bà cho bà Nguyễn Thị K mượn tiền nhiều lần, tổng cộng là 1.575.000.000 đồng, theo giấy xác nhận nợ lập ngày 29/6/2017. Nguồn gốc của số tiền này là bà K mượn rất nhiều lần, mỗi lần mượn đều ghi chú để bà nhớ, nên có việc ghi tiền mặt, tiền biêu trong giấy nợ chứ bà không tham gia chơi biêu hụi với bà K. Khi viết lại giấy xác nhận nợ,bà có yêu cầu bà K trả tiền lại để làm ăn thì bà K đồng ý và nói sẽ làm thủ tục vay ngân hàng để trả nợ cho bà. Sau đó, bà K bị bắt vì vi phạm pháp luật hình sự, nên không trả tiền cho bà. Đối với số tiền nợ này, giữa bà và bà K có thỏa thuận việc trả lãi với nhau bằng miệng là theo lãi suất ngân hàng nhưng do làm ăn với nhau lâu, nên bà không nhớ rõ số tiền lãi đã nhận. Tuy nhiên, khi xác nhận nợ thì giữa bà và bà K đã tính toán với nhau, nên khi ký giấy xác nhận nợ bà K đã tự ghi là không còn tờ giấy nợ nào nữa hết.

Đến tháng 11/2017 bà K ra tù, bà đã tiếp tục đòi tiền nhưng bà K không trả, nên bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà K phải trả cho bà số tiền gốc 1.575.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà xác nhận có nợ tiền mặt của bà Hoàng S là 475.000.000đ và nợ tiền biêu là 1.100.000.000đ. Tiền biêu này là tiền bà tham gia chơi biêu do bà S cầm cái, bà đã hốt biêu và tiền biêu do bà S chồng đậy cho những người chơi biêu mà bà làm chủ cái. Bà S giao cho bà nhận nhiều lần tiền biêu với tổng cộng số tiền là 1.100.000.000đ, biêu do bà S cầm cái bắt đầu thời gian nào bà không nhớ rõ, nhưng đến khoảng tháng 11 năm 2017 là kết thúc. Hiện nay bà S khởi kiện thì bà đồng ý trả nợ đối với khoản tiền mặt là 475.000.000đ, còn khoản tiền biêu thì bà xin trả dần mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Việc vay mượn tiền giữa bà và bà S là có trả lãi, tuy nhiên do bà không cung cấp được đã trả bao nhiêu tiền lãi nên không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn H trình bày: Bà xác nhận có chơi một chân biêu nữa tháng nộp 5.000.000đ. Bắt đầu từ ngày mùng 10 tháng 4 năm 2017, biêu này bà K cầm cái gồm 20 chân, mỗi lần hốt được 100.000.000đ, bà cần tiền nên nhờ bà K tìm người chồng đậy cho bà. Sau đó bà có nhận tiền do bà K chồng đậy là 50.000.000đ và nghe bà K nói là do chị H (S) chồng đậy cho bà. Bà không biết bà S có

tham gia chơi biêu và trở thành chân biêu sống hay không. Không biết bà S giao cho bà K bao nhiêu tiền để chồng đậy cho bà. Riêng bà đã hốt biêu thì có trách nhiệm trả tiền biêu chết hàng tháng cho bà K. Tuy nhiên từ khi bà K bị công an bắt thì dây biêu bị bể. Bà K không tổ chức lại dây biêu nói trên. Khi nào bà K đòi tiền thì bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà K. Đối với vụ án này,bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn L trình bày: Bà xác nhận có chơi 04 chân biêu nữa tháng là 5.000.000đ. Bắt đầu từ ngày mùng 10 tháng 4 năm 2017, biêu này bà K cầm cái gồm 20 chân, mỗi lần hốt biêu là 100.000.000đ, khi bắt đầu chơi bà cần tiền nên nhờ bà K tìm người chồng đậy cho bà. Sau đó bà có nhận tiền do bà K chồng đậy một chân biêu là 60.000.000đ và nghe bà K nói là do chị H (S) chồng đậy cho bà. Bà không biết bà S có chồng đậy hay không và chồng đậy cho bà K bao nhiêu tiền bà cũng không nắm rõ. Đối với vụ án này thì bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:

- Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng S đối với bà Nguyễn Thị K về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và biêu hụi".

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng S số tiền 1.575.000.000đ(Một tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng y).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 59.250.000đồng (Năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng y).

Hoàn trả lại cho bà Hoàng S số tiền tạm ứng án phí 29.625.000 đồng theo biên lai thu số 008399 ngày 14/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, ngày 24 tháng 4 năm 2018 bị đơn bà Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS - ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận S, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị K giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà thừa nhận có nợ bà Hoàng S số tiền 1.575.000.000đ nhưng yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được trả nợ dần mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ cho đến khi hết nợ số tiền 1.575.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoàng S không đồng ý với kháng cáo của bà Nguyễn Thị K, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm, không đồng ý cho bà Nguyễn Thị K trả nợ dần, yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả cho bà một lần số tiền 1.575.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn H và bà Nguyễn L vì việc vắng mặt của những người này không liên quan đến việc kháng cáo; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thị K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 10/2018/DS - ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn H và bà Nguyễn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Nguyên đơn bà Hoàng S và bị đơn bà Nguyễn Thị K đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà Nguyễn H và bà Nguyễn L. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà Nguyễn H và bà Nguyễn L. HĐXX xét thấy, bà Nguyễn H và bà Nguyễn L không kháng cáo và không liên quan đến việc kháng cáo của bà Nguyễn Thị K, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Nguyễn H và bà Nguyễn L.

[2] Về nội dung: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS -ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã xử buộc bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng S số tiền 1.575.000.000đ. Bà Nguyễn Thị K

kháng cáo bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho bà được trả nợ dần mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ cho đến khi hết nợ số tiền 1.575.000.000đ của bà Hoàng S.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị K thì thấy:

Tại giấy xác nhận nợ lập ngày 29/6/2017, giữa bà Hoàng S và bà Nguyễn Thị K có nội dung: Chị K nợ tiền biêu: 500.000.000đ. Chị K mượn tiền mặt: 200.000.000đ. Chị K mượn tiền mặt (vàng): 170.000.000đ.Chị K mượn tiền mặt: 105.000.000đ. Chị K nợ tiền biêu: 160.000.000đ. Chị K nợ tiền biêu: 200.000.000đ. Chị K nợ tiền biêu: 240.000.000đ.Tổng cộng: 1.575.000.000đ. Khi nào em H (S) có nhu cầu lấy lại tiền thì chị K sẽ trả đủ.

Căn cứ vào nội dung giấy xác nhận nợ trên, thấy bà Nguyễn Thị K nợ bà Hoàng S (H) tổng cộng 1.575.000.000đ, trong đó bao gồm nợ tiền mượn là 475.000.000đ và nợ tiền biêu là 1.100.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, bà Hoàng S yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả một lần số tiền 1.575.000.000đ, còn bà Nguyễn Thị K thừa nhận có ký giấy xác nhận nợ bà Hoàng S số tiền 1.575.000.000đ, trong đó nợ tiền mượn là 475.000.000đ và nợ tiền biêu 1.100.000.000đ. Nay bà K đồng ý trả cho bà S số tiền 1.575.000.000đ, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ cho đến khi trả hết nợ, nhưng bà S không đồng ý. Cấp sơ thẩm đã nhận định và buộc bà Nguyễn Thị K trả cho bà Hoàng S số tiền là 1.575.000.000đ là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ, tài liệu gì mới làm thay đổi nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm, nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí DSPT: Do không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị K nên bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí DSPT và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 296; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:10/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng S về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và biêu hụi"* đối với bà Nguyễn Thị K.

2. Buộc bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng S số tiền 1.575.000.000đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng y).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị K phải chịu là 59.250.000đồng.

4. Hoàn trả lại cho bà Hoàng S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 29.625.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 008399 ngày 14/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng bà Nguyễn Thị K phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai thu số 008680 ngày 24/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận S;
- TAND quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng